

# Quê Hương



## Trong Nỗi Nhớ

### Thiên Lý

Tôi đang sống ở một thành phố nửa bên là núi, nửa bên là sa mạc. Bên phía núi gần với tiểu bang Colorado mùa đông có tuyết phủ trắng đường, gió lạnh đến tím môi đỏ bừng mặt mũi ù cả hai tai. Bên phía sa mạc giáp ranh với Arizona là thoải thoải những ngọn đồi cát dài, thường có nắng khô gắt vào mùa hè nhưng lại hiếm hoi những giọt mưa khi thời tiết sắp chuyển sang mùa xuân. Đôi khi mây đen vần vũ kéo đến, sấm gầm rền trong ánh chớp, mưa vẫn ngập ngừng chỉ rơi xuống vài giọt rả rích rồi lại ngưng. Người ta mong cho mưa xuống để vùng đất cằn cỗi này mau đâm hoa, kết trái. Riêng tôi thì chẳng thích mưa chút nào dù là những cơn mưa ngắn không đủ ướt đường xá... Bởi lẽ, mưa thường làm tôi nhớ quê nhà ray rứt, nhớ nhiều kỷ niệm buồn của thời cơ cực tối đen, lẫn vài chuyện vui đi qua trong ký ức, thêm những điều xót xa hiện tại mà lòng đau đến muốn khóc...

Ngày rời Việt Nam tôi mang một tâm trạng nửa buồn nửa vui. Tôi tưởng chuyện nhớ quê hương chỉ là lý thuyết trong sách vở, nhưng không, tôi đã nhớ quê nhà ngay từ những ngày đầu đặt chân trên đất Mỹ. Chuyện nhớ bắt đầu

từ một vài âm thanh quen thuộc thường ngày trong khu xóm lao động nghèo mà tôi vừa mới ra đi; như tiếng rao quà ban đêm, tiếng trẻ chơi đùa ngoài ngõ, tiếng gà gáy sáng tinh mơ, tiếng võng đưa kẽo kẹt buổi trưa của người hàng xóm hòa với giọng ru con nghe buồn nẫu ruột:

**“*Âu ơ.. Gió đưa bụi chuổi sau hè*”**

Rồi Tiếng ca cải lương trong vát của con bé bán nước đầu hè vào những đêm trăng quán vắng khách. Tôi tôi, từ căn chòi ọp ẹp nằm phía sau nhà tôi là tiếng đàn bầu rung lên lạnh lẽo, những giai điệu tỉ tê như tâm sự buồn của chính người thương binh già đang gầy nó.

Chuyện nhớ còn lẫn quân từ mùi vị khác lạ của thức ăn, từ những điều kiện văn minh hiện đại tôi chưa hề biết qua trong đời sống bao giờ. Tôi vẫn nhớ cái bếp than mỗi khi nấu ăn bằng bếp gas, nhớ những lần giặt đồ bằng tay khi lúng túng trước cái máy giặt. Nhớ đến manh chiếu mỏng khi nằm trên chiếc nệm êm. Nhớ chiếc quạt nan cầm tay suốt ngày nóng nực khi ngồi dưới cái máy lạnh chạy êm mát. Điều tôi nhớ nhiều hơn hết là những kỷ niệm với bạn bè, nhớ trường lớp, nhớ những đôi mắt trẻ thơ trong sáng, nhớ nghề gõ đầu trẻ ở Việt Nam lúc mình đang đương đầu với công việc “rửa chén” cực nhọc trên xứ người.

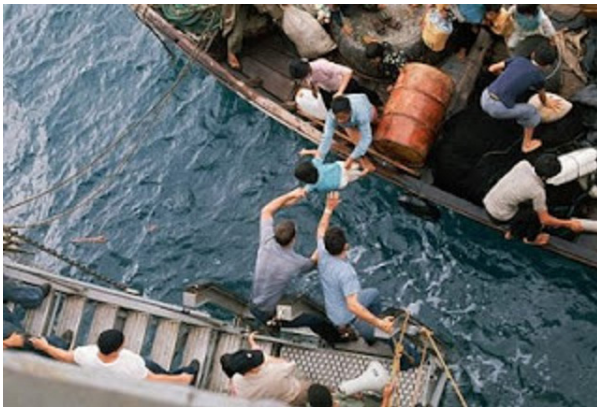
Nỗi nhớ cứ ngày càng đầy ắp theo mỗi dòng kỷ niệm chảy tràn trên trí não. Tôi nhớ đến mùa mưa ở Sài Gòn, những cơn mưa lớn như trút nước, đường phố ngập lụt tới đầu gối. Ngày ấy, cứ chiều nào mà mưa ngập phố thì tôi thường phải nán lại trường với các bạn đồng nghiệp, để chờ nước rút xuống dưới mắt cá chân mới đạp xe về nhà được. Cả một nhóm con gái độc thân mười mấy đứa ngồi nhìn mưa tán gẫu đủ mọi chuyện trên đời. Có khi chờ mãi mà nước chưa chịu rút, chúng tôi rủ nhau đội mưa, lội nước đi ăn “cháo lòng” ở một quán ăn nhỏ gần trường. Lại có ngày những anh chàng “bò vàng” (công an) đi công vụ bị mắc mưa “cố tình” ghé vào trường tôi trú mưa để “tán tỉnh” các cô giáo trẻ. Thuở đó, tôi rất ghét công an, lòng tôi có một sự

“kỳ thị” ra mặt. Theo tôi, họ cũng là những người góp phần làm khổ cả miền Nam, khổ cả gia đình tôi. Nếu họ không vào chiếm miền Nam thì mẹ tôi đâu đã mất sớm, cha tôi đâu phải đi tù. Anh và em trai tôi cũng không phải đi lao động, lăn lóc từ nông trường này sang nông trường khác. Để lại hậu quả cho anh trai tôi bệnh “cụp xương sống” sau mấy năm miệt mài “lao động vinh quang”, báo hại bà mẹ đau yếu phải đi nuôi anh trong bệnh viện. Cứ thấy bản mặt họ là bao nhiêu điều đó lại hiện ra trong đầu óc tôi bùng lên sự tức giận... Vậy mà lúc đó, tôi cũng có một cái “đuôi vàng” theo sát nút làm tôi sợ hãi quá, ăn không ngon, ngủ không yên. Mỗi khi đi bộ từ trường về nhà, lòng cứ thấp thỏm lo âu... Tôi phải nhờ sự giúp đỡ từ một người bạn làm chung, hết sức khéo léo mới phụ tôi “cắt” được cái “đuôi vàng” trong êm thấm, nhưng còn để lại tí “hận tình hụt” vì trước khi bị cắt, cái đuôi còn giẫy giụa quật trúng vào tôi những vết hằn thâm tím, vết hằn của sự bịa đặt, bôi nhọ tôi. Chiêu bài của mấy anh “bò vàng” thường là thế...

Ngày ấy, vào mùa nắng cũng là những ngày rất vui. Trong sân trường tôi dạo đó có một cây xoài to rất sai trái. Những trái xoài xanh chưa kịp chín đã bị chúng tôi “thanh toán” xuống hết để gọt ăn với nước mắm đường sau giờ tan học. Thời tuổi trẻ sao mà vui thế! Niềm vui gắng gượng khoá lớp bao nỗi nhọc nhằn và bất công trong cuộc sống lúc bấy giờ.

Ngày ấy, tôi có một mối tình đơn phương rất buồn. Tôi yêu một người đàn ông thất thế, nghèo xơ xác, lại lớn hơn tôi cả một thập niên rưỡi. Trước năm 75, chàng là trung úy trực thăng của phi đoàn 245. Tôi gặp chàng trong một chuyến đi thăm cha tôi về, còn chàng thì mới được thả sau bảy năm tù khổ nhục. Chúng tôi cùng đi chung một chuyến xe lửa từ Biên Hoà về Sài Gòn. Tôi có cảm tình ngay với giọng bắc trầm ấm cùng vẻ điềm đạm, trầm tĩnh của chàng. Thoạt đầu, tình cảm của tôi chỉ là sự quý mến và đồng cảm xót xa cho số phận của một người lính. Ra tù, chàng mất tất cả, nhà cửa,

vợ con, người mẹ già yêu quý, mất luôn cả niềm tin vào cuộc sống. Dần dần qua sự tiếp xúc, tôi nhận ra nhiều cá tính đặc biệt rất đáng phục ở nơi chàng. Tính nhẫn nại bền bỉ vươn lên từ nghịch cảnh khó khăn, tính kiên quyết với lập trường sống, cách cư xử chân tình với bạn bè, nét cương nghị trong đôi mắt sáng ngời và một nụ cười thân thiện luôn nở rộng. Thời đó, những cựu sĩ quan Việt Nam Cộng Hoà tuy nghèo mà lòng tự trọng rất cao, chàng cũng không phải là người thích “gặm cỏ non”. Dưới mắt chàng, tôi chỉ là một cô em nhỏ, chưa hiểu hết chuyện đời, nên không thể nào chia sẻ cùng chàng những cay đắng trong cuộc đời đầy giông bão.



### *Dân Việt Vượt Biển Tìm TỰ DO*

hương mình đã càng tuột dốc hơn cho dù có khoác lên một bộ mặt thay đổi hào nhoáng bên ngoài. Những người tôi quen biết có dịp trở lại Việt Nam, ai cũng nói:

“Sài gòn bây giờ vui lắm, thay đổi rất nhiều, nhà cửa khang trang rộng lớn...” Nhưng có mấy ai trong số nhiều người về thăm quê hương, nói hết được mặt trái của sự thay da đổi thịt ở Sài gòn chỉ là muôn hình vạn trạng những điều “trông thấy mà đau đớn lòng”.

Có một lần, tôi tham dự một buổi học nghiệp vụ về đề tài “Child Abuse”. Người giảng viên đã đề cập đến nhiều vấn đề gây tổn thương cho thể xác và tâm hồn trẻ thơ. Đau xót đến nát lòng nhất, vẫn là tệ nạn “child sexual abuse”, “child

Sau đó, với sự quyết tâm chàng đã ra đi để tìm đến bến bờ tự do...

Ngày ấy so với ngày nay, theo sự tiến hoá của văn minh thời đại, quê

sex tourism” lan tràn ở các nước nghèo vùng Đông Nam Á, nhiều nhất là ở Cambodia, Thái Lan và những vùng ven lân cận Việt Nam cũng đang bắt đầu. Nạn nhân phần lớn là trẻ em dưới 12 tuổi. Nghe bà giảng viên nhắc đến Việt Nam, và hướng mắt về phía tôi hỏi một vài cảm nghĩ về chuyện này, một nỗi tủi nhục, đau đớn xoáy vào trái tim tôi như nhồi. Thêm bao nhiêu đôi mắt của cả cử tọa trong hội trường đổ dồn vào tôi chờ câu trả lời. Ai cũng biết tôi là người Việt Nam duy nhất giữa cả trăm nhân viên của lớp nghiệp vụ chuyên ngành giáo dục mầm non thuộc San Juan county này. Tôi càng như bị tê liệt vì sự xấu hổ cho cái tệ nạn bạo hành trẻ khùng khiếm đang xảy ra vài nơi trên đất nước Việt Nam khốn khổ. Trong sự hồi hộp lẫn ghen ngào phẫn uất, tôi chỉ nói được một câu rằng:

“Tôi mong muốn với sức mạnh của những người có lòng yêu thương trẻ trên toàn thế giới, sẽ hợp sức cùng nhau bằng mọi cách để bảo vệ và ngăn chặn tình trạng buôn bán trẻ này...” Nói đến đó nước mắt tôi tự nhiên ứa ra, bởi tôi cảm thấy quá bất lực ngay trong lời nói của mình. Bởi, tôi biết chính phủ cộng sản chẳng làm được gì cho trẻ thơ nghèo hôm nay...

Ôi! đất nước tôi, đất nước có bốn nghìn năm văn hiến, trải qua bao nhiêu lịch sử oai hùng, đánh Tàu, đuổi Pháp, chiến tranh chia cắt bắc nam tuong tàn. Cuối cùng, kẻ ác đã thắng người hiền lương bằng sự bạo tàn, cướp cạn. Hậu quả của bao nhiêu năm xây dựng hòa bình trong tay kẻ ác là sự giàu có tăng lên gấp bội theo thời gian của những “nhà lãnh đạo tài ba”, là sự phát triển rộng rãi ăn chơi sa đọa thời mở cửa, là sự suy đồi đạo đức một cách thảm hại... Dân nghèo khổ vẫn hoàn nghèo khổ, họa xâm lăng đã kề cận mà chính phủ vẫn làm ngơ, còn tàn nhẫn ra tay đánh gục những người dân yêu nước đã hợp nhau lên tiếng về chủ quyền cho quê hương và đòi hỏi nhân quyền cho con người. Ôi! đất nước tôi, những điều “trông thấy mà đau đớn lòng” vẫn mãi là điệp khúc buồn rạn nứt tâm can. Ôi, đất nước tôi:

***“Bốn nghìn năm rông rã buồn vui,  
khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ơi...” \****

Câu hát gắn liền với số phận đất nước mãi làm nhói lòng tôi trong nỗi nhớ quê. Nhìn những hạt mưa bay nhẹ ngoài song cửa, tôi mơ màng thấy một màu xanh kỳ diệu tỏa sáng trên mảnh đất nhỏ bé cong cong hình chữ S. Màu xanh của ruộng nương tươi tốt, màu xanh đầy hy vọng trên những mầm non sắp ra lá. Màu xanh thanh bình êm ả, dân tình ấm no hạnh phúc. Màu xanh của một trời yêu thương đẹp đẽ cho toàn trẻ thơ. Màu xanh của sự sống chân thành và nhân ái... Tuy là mơ, tôi vẫn tin rằng có một ngày, màu xanh chính nghĩa sẽ xoá tan màu đỏ tham vọng của kẻ bạo tàn trên quê hương mình.



*Xứ La Quê Người*

Từ trong nỗi nhớ dày đặc, tôi muốn mơ mãi những giấc mơ đẹp về Việt Nam để quên đi nỗi khổ đau của dân tộc mình trong phút chốc... Bỗng dưng tôi thấy đầu nhức buốt, cảm giác chóng mặt bắt đầu hành hạ tôi. Những dòng chữ đang nhảy múa với sự choáng váng, áp suất máu của tôi lại lên rồi! Chao ôi, quê hương trong nỗi nhớ không chỉ làm nhức nhối con tim; mà còn tổn hại đến bộ não nữa!...Tôi

phải dừng lại đây thôi, nhưng tôi sẽ tiếp tục trải nỗi nhớ vào một ngày khác trên những ước mơ xanh dưới bầu trời Việt Nam bao la, bát ngát.

\* (Trích từ bài hát “Tình Ca” của Phạm Duy)



### ***Forget Me Not Dalat***

Bà “Con” bán mắ m cà có dáng người thấp bé. Không biết có phải vì bà bé xíu, nhỏ con nên cha mẹ đặt tên cho bà là “Con” không? Tôi cũng không hiểu tại sao người ta thường gọi bà là mụ, “mụ Con”. Có thể bởi vì bà người Huế? Người Huế thường gọi người đàn bà đứng tuổi là “mụ”. Thôi thì.... Ai kêu sao, mình gọi như vậy. Hình như mụ cũng thích cách xưng hô ấy lắm nên luôn miệng xưng “mụ” với mọi người.

Mụ Con trạc tuổi bốn mươi, bốn hai. Mụ cao chưa đến một mét bốn lăm, nước da ngăm đen, đôi mắt nâu thật linh động, nếu không nói là sắc sảo.

Tuy thấp bé, nhỏ con nhưng giọng mụ lạnh lạnh, cao trong. Mỗi lần nghe mụ rao hàng, từ bên này vang vọng qua cả bên kia xóm. Nhà tôi ai cũng mê món mắ m cà của mụ. Khi mụ vén chiếc áo dài, đặt quang gánh ngò xuống là tôi cầm cái chén chạy ra, chia cho mụ “Mụ bán con năm đồng. Nhớ cho thêm chút nước nha mụ.” Mụ cười hiền mắ m “Cái con ni, khi mô cũng xin thêm nước”. Thật ra, nói là nói vậy thôi, chứ không hỏi thêm mụ cũng cho. Lúc thì mụ cho thêm vài miếng cà, khi thì thêm vài miếng thơm, hoặc vài miếng dưa leo. Đôi quang mụ gánh khá nặng, một bên là một thau

mắm cà khá đầy, đặt trên cái thúng. Thúng bên kia mụ đựng một hủ mắm ruốc, một hủ mắm tôm, một keo mắm tép... Ai mua chỉ mụ bán nớ. Mua ít, mua nhiều mụ không hề cần nhần. Chiều nào cũng vậy khi nghe tiếng rao của mụ từ đầu xóm là tôi đã nôn nao đợi chờ mụ xuất hiện. Ăn riết đâm ghiền. Nhìn thau mắm cà của mụ mới thấy hấp dẫn làm sao! Màu cà trắng đục, lẫn trong màu vàng của thơm, những lát đu đủ trong trong, thêm màu xanh của dưa leo, màu đỏ của những trái ớt tươi chìm trong màu nước hồng hồng. Không biết mụ có bỏ phẩm đỏ trong ấy không hay là do màu đỏ của ớt bột tạo thành... Không cần biết, chỉ biết mắm cà của mụ ngon là được. Với tôi mắm cà của mụ Con là số một. Khó mà kiếm được mắm cà ngon như mắm cà của mụ ở chợ Đà Lạt. Mua mắm về có khi chúng tôi ăn với bún nhưng thường thì ăn với cơm. Bỏ miếng cà vào miệng. Cắn cái “rụp”. Dòn quá! Ngon quá! Đu đủ, dưa leo cắt lát, mụ phơi heo héo ngâm với ớt, ăn vào tê cả đầu lưỡi. À quên, thêm vị ngọt của thơm thấm với mắm nữa chớ. Chậc! Ba tôi thường nói “Món ăn nhà nghèo mà ngon!”. Nấu miếng canh rau lang, rau đay ăn với cà mắm cũng không chê vào đâu được. Ôi! Mắm cà mụ Con... là món ăn ngon nhất của tôi thời tuổi nhỏ.

“Năm đất với mụ hàng hương - Còn hơn năm giường với mụ hàng mắm”

Ông Vân già gần nhà tôi thường xuyên mua mắm của mụ. Gặp mụ là ông chào, chọc mụ bằng câu ca dễ ghét ấy. Tôi nghe phát ghét nhưng mụ vẫn tỉnh bơ “Ừ, “hương hôi” hàng mắm đây. Rứa mà có người muốn còn không được”. Ai cũng biết ông già góa vợ phải lòng mụ Con. Chiều nào ông cũng ra mua mắm, rồi lân la hỏi mụ đủ thứ chuyện. Nào là có “dôn” chưa? Có con chưa? Mụ bí mật không nói. Mà thiệt, mụ Con vào làng tôi bán cả mấy năm rồi, tôi cũng không biết mụ ở đâu, chồng con ra sao? Có hỏi mụ chỉ nói mụ ở xa lắm. Thấy mụ mặc áo dài đi bán, lại bán mắm, trông mụ thật luộm thuộm. Mấy bà trong xóm hỏi: “Răng mụ không mặc áo quần ngăn cho tiện.” Mụ giận la cho một



trận “Mấy người ni “ốt dột” thiệt, không hiểu người Huế chi hết. Mắc mớ chi mà hỏi hoài rứa” Rồi mụ lấy gói thuốc rê ra vắn, lập bập hút... phà hơi thuốc ra xa. Mùi thuốc rê mụ hút thật nặng mùi. Ông Vân lại không chê thuốc của mụ tí nào, ông thích xin thuốc của mụ để vừa hút vừa hỏi chuyện dông dài... Bác Ba xóm tôi chê: “Lão Vân tán gái dở ẹt. Tao mà chưa vợ, tao tán một phát là dính chóc.”

Mụ Con đảm đang, giỏi dang... tuy không đẹp nhưng có duyên nên cũng có vài người, kể thì góa vợ, người thì quá tuổi muốn tiến xa với mụ nhưng ngặt nỗi mụ bình chân như vại. Mấy bà già trong xóm tôi thương mụ cũng đòi mai mối nhưng mụ chỉ cười “Cảm ơn mấy O, có biết tui có dôn hay chưa mà làm mai. Thôi thì làm mai “ôn dôn” của O đi. Tui ung liền”. Dị quá! Mấy bà nín khe.

Thời gian trôi qua. Từ cô bé Tiểu Học, tôi vào Trung Học, rồi qua hết những năm Trung Học. Mụ Con vẫn đều đều trên vai đôi gánh, có điều gánh mắm cà có nhẹ đi một ít. Giọng rao của mụ vẫn vang lên từ đầu trên đến xóm dưới. Ít khi mụ nghỉ bán ngoài trừ những hôm bị cảm, bị bệnh. Mắm cà của mụ vẫn ngon, vẫn hấp dẫn chúng tôi. Ông Vân, ông già si tình theo đuổi mụ đã đi xa.... Không biết ông có còn được hưởng mùi hương của mắm nơi miền xa xăm ấy? Ừ mà... ông đâu còn người bà con nào để nhớ gởi đến ông món mắm cà tình nghĩa trong ngày kỵ của ông ...

Sau ngày ba mươi tháng tư năm bảy lăm, miền Nam hoàn toàn lọt vào tay Công Sản. Thời vàng son muốn ăn gì có nấy đã qua đi. Chúng tôi phải ăn cơm độn khoai lang, một tháng một đầu người chỉ được mua ba ký gạo hầm và mười hai ký khoai lang khô hoặc loại bắp vàng xay mà hồi xưa chúng tôi chỉ để cho heo ăn. Đời sống nhân dân thật thống



khô. Mụ Con không còn quây đôi quang gánh đến xóm tôi bán mắm cà nữa mà giả dụ Mụ có đến bán thì món mắm dân giả ấy cũng biến thành món ăn xa xỉ. Chúng tôi lấy tiền đâu mà mua! Bung chén com độn trên tay, nhai trệu trạo món com khô cứng, nếu có được vài miếng mắm cà của mụ Con tôi nghĩ chắc cũng lạc điệu, ăn cũng hết ngon vì thật ra món mắm cà cũng kén com, kén canh lắm. Ăn mắm cà với com nguội cũng được nhưng phải ăn với gạo trắng, với canh rau ... mới hợp vị. Mụ Con bán mắm không đến xóm tôi nữa nên theo thời gian tôi cũng quên bẵng mụ Con.

\*\*\*\*

Trong bữa cơm chiều nay chúng tôi có một món ăn đặc biệt, đó là món mắm cà do cô em tôi sai cháu gái mang biểu với một tờ giấy nhỏ kèm theo: “Gởi chị món mắm cà do tự tay em làm để chị nhớ lại mụ Con ngày xưa, nhớ lại những bữa cơm dưa mắm hấp dẫn ngày nào mà chị em mình một thời mê mết...”. Tô mắm cà em tôi làm cũng hấp dẫn không kém chén mắm của mụ Con ngày nào, cũng những miếng cà màu trắng ngả qua vàng. Dưa leo, đu đủ trong trong trộn lẫn với màu vàng của khóm, màu đỏ hấp dẫn của ớt tươi, ớt bột thật bắt mắt. Cắn miếng cà dòn rụm, húp một thìa canh rau đay... Chao ơi! Sao tôi nhớ quá đôi quê hương đã rời xa! Sao tôi thấy nhớ dáng người nhỏ thó của mụ Con trong chiếc áo dài nâu với đôi quang gánh nặng trĩu trên vai và giọng rao lanh lảnh vang lên từ đầu làng cuối xóm. “Ai ăn mắm cà không?”. Cũng với lời rao hàng này mà tôi đã từng chọc Mụ “Răng mụ không rao: Ai “thời” mắm cà không hở? để mụ giận và nguýt tôi bằng con mắt có đuôi. Nhớ đến mụ lòng tôi bỗng chùng xuống nao nao. Không có mụ chúng tôi vẫn có thể làm món mắm ấy nhưng sao cái hương vị mắm cà của mụ Con nó độc đáo vô cùng và khó có thể quên như vậy? Như Vũ Đình Liên hoài niệm Ông Đồ Già. Tôi hoài niệm mụ Con bán mắm cà của chúng tôi ngày xưa ấy. Giống như người thơ, tôi nghĩ đến mụ với nỗi lòng: Những người muôn năm cũ. Hồn ở đâu bây giờ??



Cuối cùng thì ông cũng lần theo những viên sỏi thơ văn của em ở dọc đường, ở đâu đó trên các nẻo internet để tìm ra em, kể từ lúc đọc một bài thơ về dòng sông quê nội ở xa lắc chúng ta hơn nửa vòng trái đất, dòng sông nơi ông sinh ra, và là nơi tắm mát tuổi thơ của em bao kỳ nghỉ hè rực nắng inh ỏi tiếng ve.

Ông và em đều là đồng môn của hai ngôi trường lớn có tiếng tốt về giáo dục, nơi đã đào tạo không biết bao nhiêu thế hệ nam nữ ưu tú cho giải đất miền Nam an lành trước năm 1975. Ông đã ngồi trước em hơn mười năm trên những chiếc bàn học trò khắc chi chút ngang dọc vết mực Parker, và suốt ba năm học sau cùng của cấp III, em cũng đã tựa tay, tì ngực, gối đầu ... lên những chiếc bàn ấy nay đã lấm lem nét mực nguyên tử bom từ những cây viết Bic tái tạo. Em sẽ không hậm hực vì phải gọi là ông chỉ vì ông là người cùng “học cải tạo cùng lớp tù với Nội của em”, em chỉ gọi là Ông Bạn vì chúng ta là những đồng môn chưa hề gặp nhau nhưng có quá nhiều mẫu số chung của những phận đời nghiệt ngã sau đoạn đường ông - người lính ngã ngựa - và em, chia tay với ngôi trường Nữ Trung Học để chuyển sang học ở một

ngôi trường cấp III mang cái tên khác đề trên tên vị anh hùng Võ Tánh!

Nha Trang của chúng ta từ ngày bị trận cuồng phong đỏ cuốn trôi bao cuộc đời tan tác, ông vào trại tù mang cái mỹ danh cải tạo, em cũng từ biệt ngôi trường con gái, chuyển sang một ngôi trường khác, - ngôi trường cũ của ông - đã thay tên, đổi Hiệu Trường, phải làm quen với những từ ngữ mới lạ khô khốc, rắn đanh: “*kiểm điểm, bình bầu, phán đấu, khắc phục, quán triệt*”... Ông hỏi em về ngôi trường xưa mà ông từng leo qua cửa sổ trốn học ư? Tường vôi vắn cũ, bảng phấn như xưa, chỉ có giòng chữ trên đó là mang đầy chủ nghĩa cực đoan của kẻ chiến thắng, viên phấn không còn trắng mà nhuộm màu u uẩn buồn tênh, thầy cô, học trò tan tác như chim trời, có người còn trên bục giảng âm thầm làm tròn một chức danh không còn nguyên vẹn, đêm đêm đập xích lô, bỏ mỗi bánh trái, buôn bán lẻ, làm đủ mọi ngành nghề không tên, có người đã đi xa, có người không còn nghiệp dĩ cầm phấn .... Cuộc sống bên ngoài cũng không khác chi bên trong trại tù Đòng Găng, A 30 nơi giam ông và đồng đội, cũng bương chải, cũng quyết liệt đối nghịch thù địch, cũng đắng chát hơn thua, cũng lặng lẽ lụi dần những ước mơ tươi đẹp vì cơm áo nặng gánh trên vai, vì những gọng kềm vô hình chung quanh.

Ông cũng như em, thở non trẻ hẳn đã từng có trái tim hùng hực niềm tin vào những điều tốt lành, tin vào lòng tử tế một cách trong sáng, em nghiệm ra rằng khi chúng ta già dặn hơn, thì lòng ta càng rắn đanh lại một thứ hoài nghi bởi những bát nháo của cuộc đời sau buổi tan đàn xẻ nghé. Cũng như ông chỉ thấy lòng dửng dưng khô lạnh sau lúc về nhà từ trại giam, em cũng tập quen dần với những năm “ăn như Sư, ở như Phạm” của trường SP ngày ấy, để trở thành một cô giáo miền quê. Em vẫn luôn luôn có cảm giác bất an, cảm giác bị rình rập, ngay cả những lúc một mình, những lúc cô đơn, mà cô đơn thì luôn luôn bám chặt em, ngay cả khi em ở nơi chốn đông người, nơi mà từ ngữ “*tập thể*” bị

lạm dụng hơn lúc nào hết. Chúng ta phải tập quen với những mâu thuẫn của cuộc sống, để cho sự hoài nghi nắm tay dẫn dắt chúng ta đi cùng những hoang mang về những điều rất bình dị của Quốc Văn Giáo Khoa Thư mà ta được học từ bé. Cũng rất may, trong đoạn đời lao đao khổ nhọc ấy, chúng ta vẫn còn những lời dạy dỗ mà chúng ta được thấm nhuần từ cha mẹ, thầy cô ... Trong cơn bão thời cuộc, chúng ta có thể hãnh diện là không hề làm mất hào khí truyền thống của trường Võ Tánh, Huyện Trân... phải không ông?

Có ai đó đã nói: "*Life is a song, sing it, life is a game, play it ...*" Chúng ta chưa kịp hát về cuộc đời, chưa kịp chơi những cuộc chơi công bằng với đời ... thì cơn cuồng phong đã đầy văng, xô đập chúng ta - những cánh chim áo trắng - tan tác đi tám hướng. Súng đạn chiến trường chưa kịp làm chai sạn hồn nhiên của chàng tuổi trẻ xấp bút nghiên theo việc kiếm cung, thì súng đạn dí sau lưng của nhà tù đã làm cho ông mòn mỏi một tương lai ở quê nhà, và em, đứa trẻ hồn hậu thay vì được học yêu thương, đã sớm phải nuốt cạn những bài học lừa dối và căm thù, đã bị đòn roi của sự phản trắc, ngộ nhận, bứt rời khỏi chốn chôn nhau.

Như số phận của "*dòng co chiếc lá níu trời, rơi về đâu giữa bão đời rộng rinh*" (QD), em và ông (và bao nhiêu người nữa) - những chiếc lá rơi trong bão đời - khi ngồi ngóng những ngày đã mất, hay trong lúc làm việc, hội nhập theo đời sống mới, vẫn nhớ nhớ quên quên, quá khứ như cơn nước rông lên xuống vào những mùa trăng cũ, chắc hẳn, ông cũng không ngờ được khi trái đất tròn để lại gặp những mối giây thân tình đứt nối nơi xa.

Đừng trách em, bởi cũng như ông, đã không hề trở về cố hương kể từ khi ... *nhất khứ*, chúng ta vẫn... *phục hoàn* bằng rất nhiều hoài niệm khắc trên hòn sỏi văn chương. Tình quê đâu chỉ như cái nút bật tắt trong trái tim người máy, để khi đạp chân trên mảnh đất quê nhà, là sẽ sáng lên hai chữ nhớ quê và làm người. Bởi em biết rằng trong trái tim chưa một nhòai vì biển dâu lận đận, vẫn cháy lên màu

vàng kiêu hãnh của một niềm tin không hề phai, và em vẫn giữ cho mình sự chờ đợi dai dẳng của một ngày thanh bình thật sự, sẽ được đắm mình trong sóng mặn Nha Trang,

Em có một cõi nhớ quên cũng như ông, dành cho thành phố ngày xưa, dành cho những con đường êm mát bóng cây xà cừ, dầu nó không còn nữa, đó cũng là sự thăng bằng đưa em đi qua rất nhiều chao đảo của cuộc sống, và dầu cho bây giờ tâm hồn có bị trầy trụa, thương tích, thì đâu đó ở một góc tâm linh vẫn có hy vọng vào một ngày tươi sáng cho quê hương.

Cho dầu ông hồ nghi về quả đất tròn, vì ông đã mất đi, thất lạc nhiều thứ, nhiều người thân, em cũng vẫn tin có một ngày nào đó, em sẽ gặp ông. Ngày ấy, chắc chắn em sẽ véo von kể chuyện vớt lục bình, câu cá rô đồng trên giòng sông cháy nắng, kể chuyện những đêm mưa dầm tháng Mười năm nghe một tiếng rao quà xa xa mà rét tận đáy lòng, em sẽ kể về ngôi nhà thơ ấu ở đường Nhị Hà – căn nhà ngày xưa của gia đình ông, hoặc những trưa hiu hiu gió, thoảng mùi muối mặn, ớt cay từ miếng cóc vệ đường Duy Tân ngày cũ ...

Em cũng sẽ không còn nghi ngờ trái đất hình vuông, hình bầu dục, hình chữ nhật... khiến cho chúng ta đi hoài vẫn không gặp những ngày xưa, mà em sẽ tin trái đất rất tròn, để có ngày nào đó, ta gặp lại kỷ niệm đã mất, gặp lại chính ta, phải không ông?

Cầu cho trái đất mãi tròn như những vòng xe đạp ngày cũ, để qua bao nhiêu chìm nổi, khóc cười, những người muôn năm cũ sẽ có lúc “...*tung cánh chim tìm về tổ ấm*” ....

Cầu nguyện cho mệnh nước nổi trôi của ngày hôm nay, sẽ chỉ là cơn ác mộng thâm đã qua của lịch sử, để cho em bắt đầu lại câu chuyện của phố biển, bằng những lời ngọt ngào... Ngày Xưa Ấy ...

**Lương Mỹ Trang**

**(Sydney-Australia)**



## Ngày Trở Về

**Hồi Ký: Phạm Gia Đại**

Tôi trở về thành phố trong một chiều nhạt nắng. Cái nóng ban trưa đã dịu đi và thỉnh thoảng vài cơn gió nhẹ mang theo chút hơi mát pha lẫn cái nóng còn sót lại phả lên mặt làm tôi tỉnh hẳn sau mấy giờ ngồi trên xe đò. Nắng đã xiên xiên hắt từ bên kia đường làm đổ nghiêng bóng những mái nhà xuống lòng đường. Chiếc xe đò đã ngừng tại bến và hành khách lục tục xuống xe. Các chị quang gánh và thúng mủng, mà chúng tôi đã có dịp nói chuyện và hàn huyên suốt dọc đường, đang xuống xe cùng với chúng tôi – mười sáu người tù cuối cùng. Chiếc xe đò đã chở chúng tôi từ trại giam Hàm Tân Z-30D từ Bình Thuận về đến Sài Gòn.

Chúng tôi đã xa thành phố này đúng 17 năm kể từ ngày miền Nam sụp đổ khi cộng quân ủa vào xâm chiếm thành phố hầu như bỏ ngõ này sau lệnh đầu hàng của ông Dương Văn Minh. Miền Nam tự do và anh hùng, sau 21 năm chiến đấu can trường và dũng cảm, đã bị bức tử một cách đau thương vì đồng minh Hoa Kỳ đang tâm bắt tay với Trung Cộng.

Mười bảy năm trước, tôi phải giã từ thành phố đây

kỷ niệm này và tất cả các người thân yêu trong niềm đau uất nghẹn ngào để bước chân vào chốn không cùng của những trại giam tập trung mọc lên như nấm của cộng sản khắp hai miền Nam Bắc.

Sau một năm trong các trại giam trong Nam, mười hai năm biệt xứ lưu đày ngoài Bắc, cộng thêm bốn năm nữa lao động khổ sai trong Nam, hôm nay ngày 29-4-1992, chúng tôi 16 tù chính trị cuối cùng thuộc chế độ VNCH trong trại Z-30D đã được thả ra sau mười bảy năm.

Còn bốn ông tướng thì một tuần sau ngày 5-5-1992, cộng sản mới thả ra: Lê Minh Đảo, Lê Văn Thân, Đỗ Kế Giai và Trần Bá Di. Họ là 20 người tù cuối cùng trong số hàng triệu quân dân cán chính VNCH đã phải vào trại tập trung từ ba ngày, đến 10 ngày, đến 1 tháng và nhiều năm sau đó, mà Hà Nội huyền hoang một cách xảo trá với thế giới đó là “chính sách khoan hồng nhân đạo” khi chúng vào chiếm miền Nam.

Từ đó, nhà tan cửa nát, đất nước điêu linh, quê hương đọa đày, và dân lành thống khổ dưới sự cai trị hà khắc tàn bạo của chế độ cộng sản vô thần, vô tôn giáo, và vô tổ quốc.

Trên bốn ngàn năm lập quốc và giữ nước, Việt Nam chưa bao giờ bị rơi vào tình huống vô cùng nguy nan của thù trong là Việt Cộng đang dâng đất đai biên cả của tổ tiên cho kẻ thù phương Bắc, và giặc ngoài là giặc Trung Cộng đang tràn xuống phương Nam và luôn làm le Hán hóa dân Việt.

Một miền Nam trù phú, an bình, yêu chuộng tự do không còn nữa, người dân bị tròng vào cổ hai tầng áp bức, nhất là đồng bào gần các tỉnh biên giới. Người dân bị cướp hết tài sản, tiền vàng bạc, ruộng vườn, ao cá. Những than khóc thấu đến Trời Xanh, nhưng loài quỷ



đỏ vẫn không ngừng tay chém giết và cướp bóc.

Để nắm lấy toàn quyền sinh sát trong Nam, cộng sản Bắc Việt đã loại trừ ngay các thành phần lãnh đạo trong “Mặt Trận Giải Phóng” của Việt Cộng trong Nam, và “Thành Đồng” đã trở thành “Đồng Nát”.

Những con người tai bèo khấn rần trong Nam, cũng như hàng ngàn người đã từng nuôi dưỡng quân “Giải Phóng”, khi hiểu ra họ chỉ là những viên đá lót đường cho quân Bắc Việt trong công cuộc xâm lăng miền Nam thì đã quá muộn. Miền Nam sau năm 1975 đang rơi vào sau “Bức Màn Sắt” như Miền Bắc sau năm 1954.

Trên chuyến xe đò trở về thành phố thân yêu, chúng tôi đã được nghe người dân kể lại bao đau thương mất mát mà họ đã phải hứng chịu khi cộng quân tràn vào thành phố sau tháng 4-1975.

Người dân sống trong các thành phố hay làng mạc Miền Nam cũng chẳng khác gì bị nhốt trong một nhà tù khổng lồ, bị canh giữ bởi các họng súng AK và những cặp mắt cú vọ, và mạng người bị xem rẻ hơn loài vật.

Hàng triệu người đã bị hãm hại, bị đày ải đi vùng kinh tế mới, bị đánh tư sản, bị đảng cộng sản ăn cướp giữa ban ngày, và bị đoi tiền hai lần để thực hiện chính sách của cộng sản nhằm bần cùng hóa một Miền Nam quá thịnh vượng ngoài sức tưởng tượng của đám cán bộ khi vào tiếp thu các thành phố.

Người dân vô cùng kinh ngạc khi gặp chúng tôi và biết được sau 17 năm những quân dân cán chính cuối cùng mới được thả ra khỏi trại giam. Họ đã tặng cho chúng tôi những gì còn lại trong thùng mủng sau chuyến buôn cuối ngày của họ như những trái cây, mũ nón, những đôi dép nhựa, và mừng chúng tôi đã sống sót trở về đoàn tụ gia đình.

Tôi đứng bên lề đường cùng các bạn, phân vân

chưa biết đi về hướng nào, vì Sài Gòn bây giờ đã nhiều thay đổi, các con đường và chính thành phố thân yêu này cũng đã thay tên. Dòng xe cộ vẫn di chuyển trên đường, mọi người vẫn hồi hả cho xong việc để trở về nhà chẳng? Và chẳng ai để ý đến chúng tôi đang ngo ngác bên đường trong ngày đáng ghi nhớ nhất đời mình. Ngày mà chúng tôi không hề mong đợi vì đã bao nhiêu năm trôi qua trong vô vọng, thì đột nhiên nó lại đến với tờ Giấy Ra Trại màu xám xám, nhỏ bằng nửa bàn tay nhưng không có nó chúng tôi đã kéo lê cuộc đời tù đầy mười bảy năm qua.

Hàng ngàn người đã ngã gục trong các trại giam, trên những luống cây, trong rừng sâu khi đốn củi, tại những đồn điền trong thung lũng nơi rừng thiêng nước độc. Hàng ngàn tù nhân chính trị đã chết vì kiệt sức, vì bị bỏ đói thiếu cơm ăn áo mặc khi mùa Đông ập đến, vì bệnh tật không thuốc men, vì bị kẻ thù hành hạ tra tấn cả thể xác lẫn tinh thần. Vậy mà chúng tôi còn tồn tại dù nhiều lần đã chết đi sống lại, quả là phép lạ!

Tôi quay nhìn lại các bạn mình lần chót, những người bạn, những chiến hữu, những bạn tù đồng cam cộng khổ, chia sớt miếng cơm manh áo, điều thuốc với nhau giờ đang đứng đây tìm đường về nhà. Tôi siết tay các bạn thật chặt lần chót, chỉ nhìn nhau không ai nói một lời, có lẽ tâm trí mỗi người đang lưu lạc đi một hướng.

Một số bạn còn vợ con thì sẽ về với vợ con, một số gia đình đã vượt biên hay di tản rồi thì về với thân nhân còn ở lại. Một số phải về tỉnh sống nhờ người quen vì anh chẳng còn ai thân nữa trên cõi đời này sau biến cố tang thương 30-4 mười bảy năm trước.

Thế rồi như con sóng vội xô vào bờ, chúng tôi tản mỗi người một phía, phút chốc chẳng còn ai, và tôi cũng vội đón một chiếc xe ôm tìm về nhà ông anh thứ hai ở

Trương Minh Ký.

Tôi đã từng ở con đường Trương Minh Giảng nổi dài xuống Trương Minh Ký này trên mười lăm năm trước kia, nhưng hôm nay cảnh vật đều thay đổi, đều lạ lẫm, hay như trong truyện mà tôi say mê từ hồi niên thiếu: “Hôm Nay Tôi Đi Học” của nhà văn Thanh Tịnh, hay vì chính trong tôi đang có nhiều thay đổi?



*Sài Gòn 1991 nhiếp ảnh gia người Đức  
Hans-Peter Grumpe.*

Tôi vào tù cộng sản khi còn thanh niên và khi ra khỏi tù đã quá trung niên với mái tóc đã hoa râm. Thời gian ấy đủ để cho một đứa bé từ bậc tiểu học qua trung học và tốt nghiệp đại học.

Thời gian là liều thuốc thần diệu xoa đi bao đau thương mất mát nhưng quả cũng là một cái gì thật nghiệt ngã và vô tình. Hai đứa con tôi lúc tôi đi tù năm 1975 mới bốn và năm tuổi, bây giờ đã trưởng thành trên hai mươi hết cả rồi. Bao nhiêu năm qua mỗi độ xuân về trong tiếng pháo Tết giòn dã, chúng lại trông ngóng người bố trở về, nhưng bao nhiêu năm rồi bố của cháu vẫn biệt tăm, và hai cháu vẫn sống trong niềm vô vọng.

Hôm nay tôi trở về chắc hai con tôi mừng lắm, và mẹ tôi cùng các em đã đi Mỹ theo chương trình đoàn tụ bây giờ ở bên Mỹ chắc vô cùng mừng rỡ vì công lao nuôi tôi mười mấy năm trong tù, nay ngày trở về đã thành hiện thực.

Chiếc xe ôm dừng trước một con hẻm, người tài xế xe ôm cũng là một quân nhân trong chế độ cũ, khi biết tôi là một trong những người tù cuối cùng, đã không lấy

tiền, nhưng tôi bỏ tiền vào tay anh rồi nắm tay anh cảm ơn vì anh cũng cần có tiền để nuôi gia đình. Anh mỉm cười thật tươi rồi chào tôi theo kiểu nhà binh.

Tôi lững thững bước vào trong hẻm, trên vai vẫn khoác chiếc ba lô lính màu xanh ngày nào tôi khoác nó ra đi trong túi hận, chỉ khác là nó nay đã bạc màu và nhiều chỗ vá vì chuột gặm. Sau khi tìm một hồi mới thấy căn nhà ba tầng của ông anh thứ hai ở tận cuối một con hẻm khá rộng ở sâu bên trong. Tôi bước qua cái sân nhỏ rồi bước vào căn phòng lát đá hoa, cửa mở nhưng chẳng thấy một bóng ai. Bao nhiêu năm rồi tôi mới nhìn thấy lại sàn đá hoa và những tủ bàn ghế, những lẵng hoa, bức tranh đầy màu sắc của quán cà phê thành phố Paris bên dòng sông Seine, những con búp bê nhựa thật đẹp trong váy xòe đứng trong tủ kính.

Tôi đang tần ngần với các trang trí kiểu tây phương trong nhà ông anh thứ hai, thật khác xa với nằm trên sàn gỗ hay bọc xi măng bao nhiêu năm trời, thì anh tôi từ bếp xuất hiện.

Sau một giây ngỡ ngàng, anh la lên: “Em ơi! Chú Đại về này”. Anh chạy lại bên tôi, đỡ lấy cái ba lô: “Anh chờ chú bao lâu rồi vẫn không thấy?” Tôi nói với anh mà ngỡ như tự nhủ thầm: “Tôi về trong đợt cuối cùng, trong số những người cuối cùng.”

Anh cho biết chỉ còn gia đình anh ở lại, mẹ tôi và gia đình năm người em tôi đã được ông anh thứ ba là thủ khoa khóa 13 hải quân Nha Trang bảo lãnh từ 11 năm trước, nay đã định cư bên California. Và từ mấy năm nay, anh đã để sẵn căn phòng trên lầu 3 chờ đón tôi về.

Tôi chợt nhớ đến các bạn mình, chắc giờ này đã về đến nhà và đang tíu tít với vợ con và người thân. Tôi thấy vui trong lòng nhưng cũng thật nhớ các bạn, những người đã từng vào sinh ra tử với mình trong tù mà tôi

không thể nào quên được trong cuộc đời này.

Tôi nhớ đến một lá thư của một anh bạn cấp trung tá được tha về đầu năm 1988, sau 13 năm tù, khi về với gia đình đã viết vào thăm tôi và 90 người cuối cùng còn ở lại ngoài Bắc tại trại Ba Sao Nam Hà rằng anh rất vui ra về nhưng các anh ví như chỉ được huy chương bạc, còn chúng tôi những người tù cuối cùng mới xứng đáng được huy chương vàng.

Bây giờ các anh ở đâu, hy vọng chúng ta sẽ hội tụ bên phương trời tự do một ngày không xa.

Trong khi anh tôi vội vã leo chiếc cầu thang xinh xắn xây theo hình xoắn ốc xuống nhà để dự người vợ và vợ chồng con gái anh chuẩn bị bữa cơm chiều, tôi lấy một bộ quần áo mới ra và vào phòng tắm. Đây là lần đầu tiên sau mười bảy năm, tôi được tắm trong một phòng kín với vòi hoa sen và nước ấm, và xà phòng thơm. Tôi kỳ cọ thật lâu như muốn tẩy đi hết những bụi trần, chương khí của trại giam đã bám vào người mình bấy lâu, và thấy thật dễ chịu dưới dòng nước ấm.

Khi bước vào phòng ăn, tôi thấy ngoài gia đình anh tôi còn có vợ chồng bác sĩ Như bạn anh tôi và cô em họ tên Mai. Anh tôi giới thiệu tôi mười bảy năm mới về.

Cô Mai nhìn tôi thắc mắc và hỏi anh tôi sao tôi từ Mỹ về mà xanh xao gầy quá vậy. Anh tôi phá lên cười và nói rằng cậu em anh mới về từ trại giam, mười bảy năm bị tập trung và lưu đày, sau khi mất miền Nam. Tôi cũng bật cười, nụ cười thật hiếm hoi trên môi người tù vừa từ vùng rừng núi trở về thành phố.

Mọi người đều ăn uống trò chuyện rôm rả. Tôi đã nhờ cậu cháu rể sáng ngày mai về Phú Lâm báo tin cho hai con tôi biết bố cháu đã về nên cũng tạm yên tâm, sau đó sẽ thu xếp lên chùa thăm thầy của tôi.

Còn nhiều việc phải làm, nhất là phải ra đi thật

nhanh theo chương trình nhân đạo của chính phủ Hoa Kỳ Humanitarian Operation (H.O.) vì ngày nào còn ở đây tính mạng mình vẫn còn bị đe dọa.

Vừa ăn bữa cơm gia đình lần đầu tiên sau bao nhiêu năm xa vắng, tôi vừa suy nghĩ tới đâu tính tới đó, Trời Phật đã cứu những người tù cuối cùng này ra khỏi tù, thì con đường mình sẽ đi cũng đã định sẵn. Con mưa đêm



kinh hoàng đã qua rồi, ngày mai trời lại sáng./.

*12 trong số 20 người tù cuối cùng: hàng ngồi từ trái: Tướng Lê Minh Đảo, Trung Tá Huỳnh Kim Hiếu, Phạm Gia Đại, Tướng Trần Bá Di, Trung Tá Huỳnh Văn Kiên. Hàng đứng từ trái: Trung úy Nguyễn Đức Thắng, Trung Tá Trần Văn Xoàn, anh Miên (hồi chánh), Trung Tá Nguyễn Đạt Phong, Trung Tá Nguyễn Hữu Hải, con gái một anh vào chụp hình chung trong khu lao động của đội 23, Thiếu Úy Hòa, và Tướng Đỗ Kế Giai.*

*\*\*\*Hình tựa bài: Nhiếp ảnh gia Chung Đỗ*



## CHUỖI NGÀY NGHIỆT NGÃ

*Nguyễn Trãi*

Pháo Đội của tôi gồm có 6 khẩu đại bác 105 ly, trọn năm 1974 tham chiến trên chiến trường Cao Nguyên Kontum và Pleiku, được hoán đổi về miền đông bằng ngay trong thời điểm cuối năm. Đang nghỉ dưỡng quân và tái huấn luyện trong vùng đất của Căn Cứ An Sơn thuộc Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB. Bộ Chỉ Huy Pháo Binh Sư Đoàn 22 ra lệnh cho tôi đưa một trung đội 105 ly di chuyển lên Vĩnh Thạnh áp sát ngọn đồi đã bị địch chiếm giữ để trực xạ. Tôi cử trung đội Thiêu Úy Ngà lên đường.

Căn cứ Vĩnh Thạnh là một ngọn đồi khá cao nằm không xa quốc lộ 19 là mấy, áp sát với nhiều ngọn núi liên hoàn khác, do một Đại Đội Địa Phương Quân trấn giữ ngõ hầu ngăn chặn địch quân xâm nhập từ hướng đèo Mang Giang về quê hương xứ sở của Vua Quang Trung. Quân địch dùng chiến thuật biến người và bằng mọi giá nhỏ tận gốc căn cứ này; chẳng những thế mà còn muốn chiếm giữ vĩnh viễn ở đây. Khi quân địch đang trong thế thượng phong với quân

số đông gấp bốn lần và đang trên vị trí cao, quân ta từ dưới chân núi bò lên thì bị địch tiêu diệt dễ dàng. Buổi chiều ánh nắng mặt trời đang yếu ớt thì trung đội Pháo Binh đã chiếm đóng xong vị trí. Trung Đoàn 47 Bộ Binh dồn ba Tiểu Đoàn làm ba hướng chuẩn bị tấn công lên căn cứ. Trung đội



Pháo Binh được lệnh khai hỏa bằng trực xạ. Khoảng cách chưa đầy một cây số, và đạn đạo còn đi thẳng rất chính xác. Từng quả đạn trực xạ xuyên thẳng vào căn cứ không thương tiếc, không trật vào đâu được và kết quả ba tiểu đoàn của Trung Đoàn 47

đã tiến lên chiếm lại ngọn đồi với chiến lợi phẩm thu nhiều vũ khí cá nhân lẫn cộng đồng và đặc biệt thi thể quân địch bỏ lại tại chiến trường cả trăm mạng.

Với một thành tích chiến thắng vừa có được của Sư Đoàn 22 Bộ Binh, cũng nhân chuyến thăm viếng của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu dành cho vùng Đất Bình Định, Bộ Tư Lệnh cũng muốn đem chiến thắng khoe với Tổng Thống hay sao, cho nên dự định hướng dẫn Tổng Thống đến thị sát mặt trận Vĩnh Thạnh. Thế là đơn vị tôi bắt đầu gian truân từ đây. Ngoài một Trung Đội đã trực xạ vẫn còn giữ yên tại Vĩnh Thạnh sau chiến thắng, đơn vị tôi còn lại là Pháo Đội (trừ) phải di chuyển cấp tốc từ căn cứ đang dưỡng quân ở hậu phương đến chân đèo Mang Giang thiết lập một căn cứ “mẫu” rất ư là bài bản nằm sát quốc lộ để chuẩn bị đón Tổng Thống.

Súng đại bác suốt ngày đêm phải sạch bóng, cây lá nguy trang rất đẹp mắt, quân phục binh sĩ chỉnh tề láng chói mặc dù là đang trên vùng chiến trận. Thà đi đánh nhau trong rừng rú mật khu không mệt bằng cái cảnh “làm cảnh để đón Tổng Thống” như thế này, và đây cũng là nhiệm vụ thật sự yếm



trợ quân bạn làm an ninh bảo vệ Tổng Thống. Bao nhiêu cố gắng và công lao đem ra “xài hết” ngõ hầu các quan lớn hài lòng có một Pháo Đội mẫu một vị trí ngon lành. Than ôi giờ chót Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu vì lý do gì không rõ đã đổi chương trình, thay vì thăm căn cứ Vĩnh Thạnh để chứng kiến tận mắt thành tích chiến thắng của Trung Đoàn thì đã đi thị sát quận Phù Mỹ, Tôi cũng buồn vì không có Tổng Thống đến chỗ của mình nhưng lại cũng mừng coi như thoát nạn.

Cả năm 1974 cá nhân tôi bận bịu với chiến trường Cao Nguyên mà phép thường niên chưa được nghỉ, cho nên sau “thành tích thành lập một Pháo đội mẫu đúng cách và các quan trên ưng ý tôi liền xin phép được nghỉ phép thường niên 15 ngày về “quê vợ” là Sài Gòn mà quê Mẹ lại thờ ơ.

Buổi chiều Sài Gòn đang ồn ào xe cộ ngược xuôi, tôi từ Thảo Cầm viên trở về nhà sau khi đưa cả nhà đi chơi tại sở thú. Hai chiếc Taxi chưa kịp ngừng hẳn trước nhà thì thấy Ba vợ lật đật chạy ra đường trao cho tôi tờ giấy điện tín: “Pháo đội bị đánh tan mất một nửa. Nếu Đại úy thấy không cần thiết nghỉ phép tiếp thì có thể trở lại đơn vị, anh em đang rất cần sự có mặt của Đại Úy” Vài phút choáng váng và tâm trí hiện về quang cảnh Pháo đội của tôi đang chiếm đóng sát cạnh quốc lộ cũng như một trung đội giữ nhiệm vụ trực xạ bên trong địa danh Vĩnh Thạnh. Tôi không hề hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Sáng hôm sau tôi mặc quân phục và đi vào Bộ Chỉ Huy Pháo Binh Quân Lực VNCH để hỏi biết thêm chi tiết về trận đánh. Tôi được một ông Thiếu tá Pháo Binh đưa vào phòng thuyết trình (sáng nào họ cũng phải tổng kết tình hình Pháo Binh trong 24 giờ qua trên toàn bốn Quân Khu cho Trung Tướng Nguyễn Xuân Thịnh, Chỉ Huy Trưởng). Tôi đã biết rõ sự thiệt hại của đơn vị tôi, lòng ra về với nỗi buồn như bước chân không muốn nổi nữa. Tôi trở về nhà và nhờ đưa em vợ đến Air VN mua giùm vé máy bay để ngày mai ra đơn vị ngay, mặc dù tôi còn những 7 ngày phép nữa. Cha Mẹ Vợ

cản không cho tôi đi vì như linh tính có điều gì không lành đến với tôi, nhất là người vợ mới vừa cưới tròn một năm cũng nắm tay giữ lại và những giọt nước mắt từ từ lăn dài xuống má nàng. Không ai làm nản ý chí của tôi đã quyết ra đơn vị vào lúc này, vì tự xem như một bòn phạt trước sự đau thương của binh sĩ.

Trong khi chờ chuyến bay tôi chưa ra phi trường thì có điện tín cho biết có hai Trung sĩ của tôi được đưa về quê nhà (Sài Gòn) an táng mà trung đội Chung Sự ở Sài Gòn phải tiếp nhận. Tôi lật đật đến nhà hai Trung Sĩ ấy để thăm viếng và chia buồn, trong đầu lúc nào cũng hiện ra cảnh Pháo Đội bị đánh tan mất một nửa, không khí Sài Gòn trở nên ảm đạm làm sao ấy. Đúng 5 giờ chiều đưa em vợ chở tôi ra phi trường Tân Sơn Nhất, một chuyến trở về đơn vị lần này sao là buồn chi lạ vì ai cũng chia tay tôi mà ràn rụa nước mắt. Người mà khóc nhiều lại là Ba vợ và người vợ (làm như họ có linh cảm chẳng lành cho tôi)

Chuyến bay đáp xuống phi trường Quy Nhơn tối mịt, thành phố đã lên đèn trong sự tất bật vội vã xuôi ngược của mọi người vì nhiều chuyến xe chở thương binh từ chiến trường về Quân Y viện, Cảnh phố khác thường không yên ả. Tôi lặng lẽ trở về Bộ Chỉ Huy Tiểu đoàn Pháo Binh của tôi đang đóng tại An Sơn Diêu Trì. Tôi trình diện vị tiểu đoàn trưởng; sau cái bắt tay thì nghe phán một câu: “từ nay không cho ông đi phép nữa. Tôi hỏi tại sao thì được trả lời “mỗi lần ông rời đơn vị là bị xui”

Tiểu Đoàn cung cấp chiếc xe Jeep cho tôi về Pháo đội “đã tan nát” đang đóng cách Tiểu Đoàn 3 cây số. Nơi tạm thời nghỉ dưỡng và chờ tái trang bị sau khi từ chiến trường Vĩnh Thạnh trở về. Người Xử Lý Thường Vụ pháo đội hiện không có mặt, tôi gặp các binh sĩ còn nguyên vẹn không bị thương ở đây và họ đã khóc trước mặt tôi khi kể lại trận chiến. Các anh em bị thương hay chết thì đã vào bệnh viện hay nhà xác rồi.

Tuy tôi vẫn còn nghỉ phép nhưng đã trở về đơn vị thì

mặc nhiên nhiệm vụ đã được trở về. Tôi ký một loạt giấy phép cho các quân nhân những ai có thể được nghỉ về nhà trong bốn ngày để ổn định tâm lý sau cú sốc nặng. Và hôm sau đi thăm thương bệnh binh tại quân y viện. Đang nhận lệnh tái phối trí quân trang quân dụng súng đạn và các thứ cũng như tân binh để huấn luyện, cứ tưởng cũng phải một tháng cho chương trình huấn luyện tân binh, nào ngờ chỉ mới một tuần lại nhận lệnh lên đường.

Giữa đêm khoảng 10 giờ, tôi đưa Pháo Đội đi tiếp ứng cho một căn cứ hỏa lực vừa bị địch san bằng và thiêu hủy tất cả 12 khẩu đại bác của một tiểu đoàn bạn tại gần Lăng Mai Xuân Thuởng. Chiếm đóng vị trí ban đêm là điều rất khó khăn vì hạn chế ánh đèn pin để phòng địch phát giác vị trí của mình. Rồi xong xuôi và báo cáo “sẵn sàng tác xạ”. Kể từ giây phút ấy là tác xạ liên hồi vì bên ngoài các đơn vị bạn chạm địch mà trước đây không còn Pháo Binh yểm trợ nữa. Tất cả binh sĩ đều mệt mỏi, cũng được nghỉ ngơi đâu chừng một giờ thì chạm địch trở lại và dĩ nhiên phải tác xạ yểm trợ tiếp cho tới sáng.

Rất may là trong khi tác xạ địch quân chưa phát giác ra vị trí đặt súng của tôi, tờ mờ sáng hôm sau địch đã nhận ra tôi và dồn mọi khẩu pháo đến chào đơn vị tôi không ngừng. Tôi xin lệnh di chuyển vị trí đóng quân để né pháo kích. Pháo đội tác xạ đang bắn thì không gì khổ cực bằng di chuyển vị trí, phải vác đạn lên xe phải làm mọi thứ trong vội vàng. Tôi cho chiếm đóng vị trí lần này ngay trên quốc lộ nằm giữa hai vách núi che khuất tầm quan sát của địch. (dĩ nhiên đang giao tranh xe cộ không còn được chạy trên đường). Quân địch khi nghe tiếng đại bác của tôi rời nòng súng để yểm trợ quân bạn thì lần mò ra vị trí đặt súng của tôi mà cũng kéo súng của chúng đến chỗ nào có thể pháo kích được chúng tôi nhằm không chế sự yểm trợ Pháo Binh.

Hai ngàn quả đạn 105 ly được các xe Quân Vận chở tới tiếp tế cho đơn vị, đạn còn trên xe GMC chưa vác xuống, tôi leo lên đứng trên nóc các thùng đạn đại bác để xem xét

có đúng loại đạn mà mình đã yêu cầu tiếp tế không, bất ngờ địch pháo kích đến và chính xác đến độ một quả đạn 82 ly của địch rớt ngay trên các thùng đạn trước mặt tôi chưa tới một mét mà quả đạn không nổ. Nếu quả 82 nổ thì cả chiếc xe đạn tiếp tế sẽ nổ tung kéo theo 2000 quả khác, và dĩ nhiên thân xác tôi cũng tan tành mảnh vụn. QUẢ LÀ CÓ MỘT BÀN TAY MÀU NHIỆM ĐÃ CỨU CUỘC ĐỜI TÔI.

Ngay tức thì tôi nhận được lệnh di chuyển về quận Khánh Dương để yểm trợ cho Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù tại đèo Phụng Hoàng. Lòng thấy rộn vui biết mấy vì tự nhiên mình được chiến đấu trên phần lãnh thổ của quê Hương mình. Từ chỗ này là chân đèo Mang Giang muốn đến Quận Khánh Dương phải đi qua Đèo Cù Mông, đi qua hết tỉnh Phú Yên, qua Đèo Cả đến lãnh thổ Tỉnh Khánh Hòa và băng qua Biển Đại Lãnh đến Tư Bông, vào Quân Ninh Hòa từ đó dùng Quốc lộ 21 rẽ phải đi lên Dục Mỹ rồi mới đến Khánh Dương. Tôi tính toán, như thế cũng phải mất một ngày đi đường, chính là thời gian nghỉ ngơi không phải căng thẳng thần kinh khi phải lãnh pháo kích địch

Chuyện trên chiến trường được xem như hên xui may rủi và lệnh thay đổi như lật bàn tay. Lòng đang vui chưa được một giờ thì lệnh thay đổi, thay vì kéo súng vào hướng Nam, giờ tôi ra hướng Bắc. Đơn vị tôi đi Bồng Sơn chỉ cách ở đây 130 cây số. Nhiều khi bực tức cũng phát chửi thề, nhưng nhà binh phải thi hành lệnh không nhúc nhích. Chúng tôi “Thề Lên Đường” đi căn cứ Thiết Đính.

Căn cứ Thiết Đính là nơi đóng quân của bộ Binh Mỹ; đã bỏ nhiều năm rồi và trở nên hoang sơ, tuy nhiên vẫn thấy âm cúng hơn là đóng quân giữa đồng trống. Sự nặng nhọc vất vả nhất của pháo thủ là phải vác đạn xuống hết và chất vào chỗ nào an toàn và mái che không bị pháo kích của địch làm nổ kho đạn. Từ căn cứ Thiết Đính, Pháo đội bắn yểm trợ cho Chi Khu Tam Quan suốt đêm khi đơn vị này bị địch bao vây, đó là những ngày gần cuối tháng 3/1975. Vừa bắn đạn nổ vừa bắn hỏa châu sáng rực cả bầu trời cho quân nhân

trong quận Tam Quan di tản rời khỏi quận.

Đơn vị địch đã phát giác ra vị trí của tôi và họ quay mũi súng về tôi hầu dập tắt làm câm họng súng của pháo đội. Vị trí Thiết Đính nằm lơ lửng giữa đồng không mông quạnh mà đơn vị Bộ Binh bảo vệ cho Pháo Binh quá yếu ớt, tôi xin lệnh trung tâm hành quân cho tôi di chuyển về sát cạnh quận Hoài Nhơn (Bồng Sơn). Nhưng trước khi cả đơn vị di chuyển, tôi đi thám sát vị trí trước xem đóng chỗ nào, và tôi đã ghé lại trung tâm hành quân của Chi Khu Hoài Nhơn để tìm hiểu thêm tình hình địch. Chiếc xe jeep vừa ngừng lại, tôi rời chiếc xe chưa tới 10 mét thì một quả pháo kích rơi đúng ngay xe của tôi. Chỉ cần chậm vài giây thì thân tôi cháy nát bét rồi. Chiếc xe thành một khối sắt đen xì bốc khói. Rất may tôi không bị thương.

Chọn được một khoảng đất trống sau lưng quận Hoài Nhơn cũng trong khuôn viên đất của quận, vị trí pháo binh đặt ở đây. Địch đã chiếm xong quận Tam Quan cách đây 10 cây số, và hàng hà sa số người dân rời bỏ quê nhà chạy giặc; họ chen lấn nhau qua cầu Bồng Sơn đông nghịt. Người dân kéo theo gần như 80 % quân lính Địa Phương Quân đồn trú tại Tam Quan lẫn Bồng Sơn. Một cảnh tượng đau lòng xảy ra trước mắt, tuy nhiên lòng người lính Pháo Binh không hề nao núng hay bỏ ngũ. Chúng tôi quyết tử thủ để ngăn bước chân quân thù.

Ông Quận Trưởng quận Bồng Sơn phải dùng đại liên 50 đặt trên lô cốt ở đầu cầu bắn xuống mặt sông để ngăn lính của ông tự động rã ngũ. Nhưng có chạy đâu thì vào tới đèo Phù Cũ lẫn đèo Nhông cũng bị chặn lại vì địch đã án ngữ hai nơi này. Súng đại bác 105 ly có khả năng tối đa tầm xa bắn được mười một cây số một trăm mét (11,100 mét) và bắn từ thuốc nạp 1 cho tới thuốc nạp 7 tùy theo tầm xa của mục tiêu. Vậy mà mới đầu yểm trợ quân bạn bằng thuốc nạp 7 (tầm xa nhất) dần dần thu hẹp đến nạp 5 rồi nạp 3, (tức địch quân còn cách súng khoảng 3 cây số đó là khoảng cách hết an toàn cho Pháo Binh bình chủng chỉ biết bắn yểm trợ cho

quân bạn mà không có kinh nghiệm nhiều cho chiến đấu như Bộ Binh). Tôi gọi về Trung Tâm Hành Quân Trung Đoàn 47 (do Đại Tá Lê Cầu làm Trung Đoàn Trưởng) xin kéo pháo đội qua bên kia sông Lại Giang (cũng gần cầu Bồng Sơn). Được sự chấp thuận, tôi cho “thế lên đường” ngay tức khắc. Pháo thủ vác đạn và quân dụng muốn xịu hết.

Khi qua Ngã Ba Lại Giang thì bắt yểm trợ ngược lại bên kia sông cho các toán tiền sát viên đang đi theo trung đoàn. Mãi mê bắt đê rồi nghe tiếng báo cáo của Tiền Sát Viên (Đề Lô Pháo Binh) cho biết cò “giải phóng” đã cắm trên nóc quận đường. Các toán quân của ba tiểu đoàn thì đang tiếp tục ngăn chặn tiến quân của địch, họ vẫn bên kia sông. Và lúc này đơn vị tôi chỉ cách Quận Đường Hoài Nhơn tính đường chim bay chỉ bằng một cây số. Nhưng không có địch quân trong quận cho nên không cần phải trực xạ. Để bảo toàn lực lượng hậu ngăn chặn sự tiến quân của địch, lệnh ban cho tôi phải bắn sập cầu Bồng Sơn, tôi bảo ra lệnh cho một Tiền Sát Viên Pháo Binh điều chỉnh tác xạ này. Không khó khăn mấy, chiếc cầu đã gãy một nhịp chính giữa ngay sau đó. Đồng thời tôi cũng nhận lệnh kéo súng vào chân đèo Phù Cũ. (cũng có câu về trước đây “Đèo nào cao bằng đèo Phù Cũ. Gái nào đẹp bằng gái Bồng Sơn”).

Đơn vị Pháo Binh của tôi chỉ còn có 400 quả đạn yểm trợ (trong khi cấp số cần luôn phải có là 2000 quả, không tính những loại đạn đặc biệt để tự vệ). Tôi không cho tác xạ yểm trợ nhiều nữa vì phải dành đạn để còn có thể tự vệ. Chúng tôi di chuyển rất chậm trên đường vì dân đi theo quá nhiều làm rối mù tầm vì sợ vạ lây cho dân chúng. Khi đặt chân đến Đèo Không trời đã đứng bóng tinh thần binh sĩ mệt mỏi, từ trên núi phía tây bên phải, hỏa tiễn 120 ly nã vào chúng tôi tới tấp. Một bánh súng trúng đạn xẹp lốp, nhân viên vẫn an toàn. Thế là dừng lại tháo súng ra khỏi xe và quay họng súng về hướng có súng 120 ly của địch mà phản pháo. Không biết quân địch có sao không mà thấy im lặng không pháo kích chúng tôi nữa. Các tiểu đoàn bộ binh thì đang tiến về

phía trước đánh dẹp các toán quân địch lập chốt dọc đường không cho di chuyển. Tại Đèo Nhông số lượng người dân chạy lánh nạn nằm lại đây từ nhiều ngày trước lên tới mấy trăm người, la liệt hai bên đường. Họ đi còn mang theo cả tài sản gồng gánh tùm lum.

Khi các chốt địch phía trước được khai thông, lệnh di chuyển ban ra, ôi thôi tất cả người dân ùa lên các xe pháo binh không làm sao cản nổi. Tôi rất sợ nếu có giao tranh họ sẽ là nạn nhân đầu tiên. Nhưng không cho họ lên xe cũng không được. Một bản năng sự sống vùng lên rất mãnh liệt không gì ngăn được. Từ Đèo Nhông về Trà Quang (Quận Phù Mỹ) chừng 10 cây số thể mà tốc độ di chuyển rất chậm vì đi ban đêm né tránh địch phát giác cho nên không mở đèn xe.

Mười một giờ đêm, vừa tới cổng căn cứ Trà Quang (bản doanh của Trung Đoàn 41 Bộ Binh nay đã di chuyển đi hành quân nơi khác), một bánh xe của súng nữa bị trúng pháo kích, nhưng đơn vị không dừng lại mà tiếp tục vào bên trong căn cứ. Ba ngày ở đây không khí yên lặng, ban ngày kéo súng ra ruộng chiếm đóng vị trí để yểm trợ cho các tiểu đoàn Bộ Binh, tối kéo súng vào căn cứ ngủ qua đêm. Sáng ngày 31/3 nhận lệnh “thế lên đường” về hướng Nam. Cả Trung Đoàn 47 đã đi mở đường phía trước, còn lại đơn vị Pháo Binh chưa nhận lệnh di chuyển. Khi được lệnh thì Bộ Binh đã đi khá xa, pháo đội tôi chạy ngang qua địa danh “Nhà Thờ Đổ” thì bị phục kích, tất cả xuống xe chống trả một lúc rồi cũng phải lên đường.

Khi đoàn xe đến đầu “CẦU CUÔNG”, chiếc cầu đã sập từ lâu, phía bên kia cầu có 8 quân địch đang ẩn mình trong lô cốt. Họ bắn một quả B 40 vào đúng ngay xe tôi lật nhào, tôi bị thương với 6 mảnh đạn B 40 ghim vào người, phần xạ tự nhiên tôi bò về phía lô cốt sát gần 8 tên địch đang bắn trả phía pháo đội. Tôi bị thương nặng nơi cánh tay không cầm cây súng M 16 lên được. Ngó ngược ra phía sau thấy người lính của mình đang đi tìm tôi, tôi gọi hấn đến, người lính

băng vết thương chỗ ra máu nhiều trước nhất thì bất ngờ trong lô cốt đã nhả đạn làm người lính ngã xuống chết ngay.

Tôi theo phản xạ tự nhiên ngược đầu lên nhìn xem từ đầu bắn người lính chết thì quân địch nhìn thấy và bắn vào đầu tôi ba viên AK. Ba viên cùng vào ba chỗ khác nhau sau ót nhưng chỉ ra một lỗ trước hàm trái, tôi nghe tiếng chat rất lớn rồi gục xuống và bị mù mắt hẳn. Tôi đã thực sự chết không còn biết gì nữa, không nhìn thấy cũng không nghe. Không biết bao lâu sau tôi thấy ánh sáng mặt trời và nghe được tiếng súng vẫn đang nổ. Thế là tôi biết mình chưa chết. Tôi nhớ lại bài học bò hỏa lực trong quân trường và bò ngửa ra phía đơn vị mình. Trong thời điểm này tôi đã có viết bài “CHẾT CÓ SỐ”.

Tôi nhớ lại bài học bò hỏa lực nên cố bò lại phía đồng đội của mình. Khi đến bên chiếc xe của tôi bị lật, cố tìm cái ống liên hợp để gọi trung đoàn, nhưng cái máy VRC 47 hư rồi. May mắn thay một người lính khác nhìn thấy tôi, và họ đã dòn hỏa lực bắn về phía lô cốt để hai người chạy về phía tôi khiêng tôi ra phía sau. Tôi gọi trung úy pháo đội phó đến bảo ông ta trực xạ cái lô cốt.

Súng Đại Bác được tháo ra và trực xạ cái lô cốt, 8 tên địch banh xác. Tôi gọi cho Trung Đoàn phía trước xin trực thăng yểm trợ cho đơn vị tôi. Họ bảo giờ này không còn trực thăng nữa. Tôi bảo “vậy thì ra lệnh cho pháo đội đi bên cạnh trung đoàn bắn yểm trợ cho tôi”. Chỉ vài phút sau có tiếng đạn nổ hai bên Cầu Cương. Bắn yểm trợ cho tôi xong thì cũng ra lệnh cho tôi đốt súng đại bác. Đây là giây phút hãi hùng nhất phải thi hành lệnh này vì biết chuyện gì đã xảy ra rồi.

Trung úy pháo đội phó ra lệnh bỏ lại quân trang, chỉ mang theo súng đạn và đi theo đội hình; tôi bảo anh ấy cầm lấy 100,000 đồng tiền nuôi ăn binh sĩ và cố gắng đưa pháo đội về tới hậu cứ an toàn.

Một chiếc xe GMC chở tôi cùng 8 người lính bị thương chạy về hướng Trung Đoàn. Bắt kịp trung đoàn bên kia



suối, xe không chạy được. Đại Tá Lê Cầu ra lệnh lính của ông khiêng tất cả anh em Pháo Binh qua suối và dùng xe GMC của trung đoàn chở đi tiếp. Chạy một lúc người tài xế xe của bộ binh la lớn “bắn vô xe, bắn vô xe”. Tôi kêu đừng bắn, tất cả mọi người chạy ngang qua xe hàng hà sa số còn tôi và 8 thương binh bị bỏ lại.

Một người Hạ Sĩ nhất của tôi nhìn thấy tôi nằm trên xe và công tôi đi. Từ đây đến Quy Nhơn còn chừng 35 cây số nữa, xa quá. Công một lúc gặp được trung úy pháo đội phó của tôi; ông ta đi tìm cái võng và 6 người lính thay phiên nhau khiêng tôi đi.

Vào được bên trong Phi Trường Phù Cát, gặp chiếc trực thăng, họ bỏ tôi lên trực thăng. Chiếc trực thăng bốc lên nhưng bắt đầu rớt xuống, cánh quạt chặt người trung úy pháo đội phó và người trung sĩ khâu trường đứt ra làm đôi.

Chỉ còn lại ba người lính tiếp tục khiêng tôi đi vào phi đạo và bỏ nằm đó, tôi bảo họ hãy tìm cách về với gia đình. Nhiều lính Bộ Binh vào bên cạnh tôi và họ mở đường máu, tôi đi theo không được, vì vừa đứng lên thì bị té xuống ngay bởi vết thương nơi đùi phải, đành nằm tại chỗ và sáng hôm sau (1/4/1975) thì bị bắt. Vết thương loang lổ vẫn tiếp tục ra máu không ngưng. Số phận nghiệt ngã đây đưa, người ta đã khiêng tôi vào trong một nhà Hộ Sanh tự do ông chủ tịch Việt Cộng làm chủ. Tôi vẫn cứ khai là tài xế xe đồ bị thương khi hai bên đánh nhau, vì tôi sợ trong giây phút tranh tối tranh sáng họ bắn tôi ngay. Rồi ông chủ tịch Việt Cộng cũng chuyển tôi đi nhiều nơi, cuối cùng nằm tại một nhà hộ sanh công cộng. Vết thương vẫn ra máu và nhiễm trùng. Sau 10 ngày, tôi được người quen tại phố Quy Nhơn ra tận nơi, lừa người quản lý và đón tôi về thành phố Quy Nhơn. Đi tìm bác sĩ để chữa trị 9 vết thương. Không còn bác sĩ, họ đã đi tản hết. May sao có một ông y tá, ông không chạy được vào Nha Trang cho nên đồng ý chữa vết thương và đòi 20,000 đồng. Tôi không có một cắc bạc, người quen đi mượn tiền đủ 20 ngàn trả cho họ. Người quen đi tìm “giấy thông hành” do

chính quyền lúc bấy giờ cấp đề kêu gọi thân nhân đã chạy vào Nha Trang quay về Quy Nhơn. Tôi được người ấy ẵm lên xe đò và đưa tôi về đến quê Nha Trang.

Cả nhà náo loạn lên vì cứ tưởng tôi đã vào được Sài Gòn từ lâu. Tôi có một đứa em trong làng làm y tá; hàng ngày đến chữa trị 9 vết thương cho tôi. Nhờ ăn thịt cua mà các vết thương mau mọc thịt lại. Tôi nằm tại nhà từng đêm nghe hộp tổ rồi đầu tổ giống y hệt phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG mà rợn da gà. Khi Sài Gòn bị mất, tôi nhắn tin vợ tôi. Nàng từ Sài Gòn ra Nha Trang, một ngày sau khi mất nước. Ở Nha Trang, Bác Sĩ di tản hết. Trong bệnh viện, dụng cụ y tế tanh bành không ai chữa trị cho tôi. Tôi tìm cách vào Sài Gòn.

Vào nhà vợ, các vết thương vẫn chưa lành. Nhờ người chị vợ trước kia biết nghề y tá nên chữa trị tại nhà cho tôi. Trên người còn đang băng bó đến chín cái băng thế mà khi có thông cáo Sĩ Quan Cấp Úy chuẩn bị thức ăn 10 ngày đi trình diện, tôi cũng đi bằng cái nạng vào trường Đại Học Phú Thọ. Người gác cổng thấy còn đang băng bó đuổi tôi ra, tôi năn nỉ để được vào. Thế là một năm ở trại Long Giao, và 5 năm ra Bắc, rồi chuyển vào Nam tù thêm nữa. Tổng cộng hơn 7 năm tại tù. Điều đau đớn đã xảy ra; trong khi đi lao động phát quang trên núi Hoàng Liên Sơn, tôi đã bị té lăn từ trên đỉnh núi xuống, bị chấn thương thần kinh tọa cột và liệt chân phải, Phải chống nạng gỗ sáu năm liên tiếp cho tới ngày ra khỏi nhà tù về tới nhà vẫn còn chống nạng.

Ngày trở về, một tay chống nạng một tay cầm bó hoa để tặng người vợ chung tình vẫn đợi chờ rờn rã 7 năm. Tôi mang trên vai cây đàn guitar tự làm ngoài Hoàng Liên Sơn. Khi đi gần tới nhà thì có một bà hàng xóm của nhà vợ nói hù đứa con trai bốn tuổi đang khóc “NÍN ĐI, MẸ BẢO ÔNG ẶN XIN KIA BẮT CON BÂY GIỜ”. Tức là **ngày trở về của tôi tàn tạ thảm thương giống như người ăn xin** vì dạo ấy những người đi ăn xin thường hay đệm đàn và hát những bài ca cũ của Miền Nam.